Bs Hu□nh Minh Nh□t -□

I. Gl□I THI□U

R□□u là ch□t gây suy nh□□c h□ th□n kinh trung □□ng. R□□u tăng tác d□ng □c ch□ c□a axit gamma-aminobutyric (GABA) đ□ng th□i □c ch□ tác d□ng kích thích c□a Glutamate. □ b□nh nhân nghi□n r□□u, ch□ s□ hi□n di□n liên t□c c□a r□□u trong máu m□i duy trì đ□□c cân b□ng n□i môi. Vi□c ng□ng ti□p xúc v□i r□□u đ□t ng□t d□n đ□n tình tr□ng h□ng ph□n c□a não vì các th□ th□ tr□□c đây b□ r□□u □c ch□ không còn b□ □c ch□ n□a. S□ h□ng ph□n c□a não bi□u hi□n trên lâm sàng b□ng các tri□u ch□ng nh□ nh□ m□t ng□, lo l□ng và run r□y đ□n các bi□n ch□ng n□ng nh□ co gi□t do cai r□□u và mê s□ng có th□ nguy hi□m đ□n tính m□ng.

Các tri□u ch□ng cai r□□u th□□ng b□t đ□u trong vòng 6 đ□n 24 gi□ k□ t□ l□n u□ng cu□i cùng ho□c gi□m đ□t ng□t vi□c u□ng r□□u. Các tri□u ch□ng có th□ xu□t hi□n ngay c□ khi v□n còn n□ng đ□ c□n trong máu. H□i ch□ng cai r□□u x□y ra ph□ bi□n □ các b□nh nhân đang đi□u tr□ t□i khoa n□i, ph□u thu□t và c□p c□u.

Hội chứng	Biểu hiện lâm sàng	Khởi phát sau lần uống cuối cùng
Cai rượu nhẹ	Run, lo lắng, đau đầu, nhịp tim nhanh, vã mồ hôi, chán ăn, rối loạn tiêu hóa; trạng thái tinh thần bình thường	6 đến 36 giờ
Co giật	Co giật cục bộ hoặc toàn thể thời gian ngắn; trạng thái động kinh hiếm gặp	6 đến 48 giờ
Ảo giác do rượu	Ảo thị, ảo thính và/hoặc xúc giác nhưng vẫn duy trì tương đối các chức năng cảm giác khác bình thường	12 đến 48 giờ
Mê sảng	Mê sảng, kích động, nhịp tim nhanh, tăng huyết áp, sốt, vã mồ hôi	48 đến 96 giờ

THANG ĐIỂM CIWA-Ar - ĐÁNH GIÁ LÂM SÀNG CAI RƯỢU *(CIWA-Ar - Clinical Institute Withdrawal Assessment for Alcohol–Revised)*		
Triệu chứng	**Phạm vi**	**Điểm**
Buồn nôn và nôn	0 - 7	0 = Không buồn nôn và không nôn 7 = Buồn nôn liên tục và nôn mửa
Run	0 - 7	0 = Không run 7 = Nghiêm trọng, cả khi cánh tay không mở rộng
Cơn vã mồ hôi	0 - 7	0 = Không nhìn thấy mồ hôi 7 = Vã mồ hôi như tắm
Tình trạng lo lắng	0 - 7	0 = Không lo lắng, thoải mái 7 = Trạng thái hoảng sợ cấp tính như trong mê sảng nặng hoặc phản ứng tâm thần phân liệt cấp tính
Tình trạng kích động	0 - 7	0 = Hoạt động bình thường 7 = Bước tới bước lui trong suốt cuộc phỏng vấn, hay liên tục có các động tác lố bịch
Rối loạn xúc giác	0 - 7	0 = Không có 7 = Ảo giác liên tục
Rối loạn thính giác	0 - 7	0 = Không có 7 = Ảo giác liên tục
Rối loạn thị giác	0 - 7	0 = Không có 7 = Ảo giác liên tục
Đau đầu, cảm giác khó chịu trong đầu	0 - 7	0 = Không 7 = Cực kỳ nặng
Định hướng và sự mù mờ nhận cảm	0 - 4	0 = Định hướng được và có thể trả lời 7 = Không định hướng được địa điểm hoặc bản thân

[redacted]